

Số: 383/QLQ-PBIF

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Căn cứ Phụ lục số 25 kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

a. **Tên của quỹ:** Quỹ Đầu tư Cân bằng PVcom (PBIF)

Loại hình quỹ: Quỹ mở

b. **Mục tiêu đầu tư của quỹ:** Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

c. **Thời hạn hoạt động của quỹ:** Không giới hạn

d. **Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio):** không có

e. **Chính sách phân chia lợi nhuận:** Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

f. **Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm 30/06/2026:** 4.789.991,64 Chứng chỉ quỹ

g. **Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:**

Theo Thông báo số 199/TB-QLQ-PTKD của PVCB Capital gửi UBCKNN ngày 23/04/2026 về việc sửa đổi Điều lệ Quỹ PBIF, chi tiết các nội dung sửa đổi được đính kèm tại Phụ lục 01 của Báo cáo này.

h. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 số 01/2026/NQĐH - PBIF ngày 23/04/2026, các nội dung được thông qua như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Quỹ PBIF.
 - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Quỹ PBIF.
 - Thông qua Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2025 của Quỹ PBIF.
 - Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ PBIF.
 - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho các Báo cáo tài chính của Quỹ PBIF trong năm tài chính 2026 là Công ty TNHH Kiểm toán AASC. Thông qua ủy quyền cho Công ty quản lý quỹ PVCB Capital đàm phán, ký kết hợp đồng với đơn vị kiểm toán.
- i. **Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát** về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06/2026, cụ thể:

- Tỷ lệ danh mục đầu tư của quỹ:

Danh mục đầu tư	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Trái phiếu	24,64%	5,62%	28,11%
Cổ phiếu	8,88%	38,06%	53,84%
Chứng chỉ tiền gửi	1,65%	-	5,94%
Hợp đồng tiền gửi	0%	-	-
Tài sản khác	64,83%	56,32%	12,11%
Tổng tài sản	100,00%	100,00%	100,00%

- Các chỉ tiêu về giá trị tài sản ròng (NAV) và Giá trị ròng trên một đơn vị quỹ:

Nội dung	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Giá trị tài sản ròng (VND)	30.155.525.746	148.181.855.122	136.704.347.764
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND/CCQ)	6.295,52	11.244,49	10.024,17
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong kỳ báo cáo	4.789.991,64	13.178.168,32	13.637.467,52
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao	10.732,24	11.524,82	11.519,00

nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)			
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	6.295,52	9.053,27	10.416,88

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

	Nội dung	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
I	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (1.1+1.2+1.3)	(296.811.204)	372.043.514	863.507.750
1.1	Cổ tức, trái tức được nhận từ trái phiếu	421.702.621	2.443.499.409	2.414.225.980
1.2	Lãi được nhận từ CCTG và HĐTG	20.257.114	17.952.523	1.045.573.536
1.3	Chi phí	(738.770.939)	(2.089.408.418)	(2.596.291.766)
II	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	(11.315.324.122)	11.971.607.134	1.779.874.208
III	Tổng lợi nhuận của quỹ sau thuế (III=I+II)	(11.612.135.326)	12.343.650.648	2.643.381.958

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: không có.

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.

- Các chỉ tiêu về Tỷ lệ chi phí hoạt động, tốc độ vòng quay danh mục của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch (nếu có) ;

Chỉ tiêu	30/06/2026	30/06/2025	30/6/2024
Tỷ lệ chi phí hoạt động	4,46%	2,63%	4,05%
Tốc độ vòng quay danh mục	667,97%	451,65%	571,75%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong thời hạn 36 tháng:

Chỉ tiêu	30/06/2026	30/06/2025	30/6/2024
Lợi nhuận bình quân	(11,612,135,326)	12.343.650.648	2.643.381.958

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ và được rà soát bởi Ngân hàng Giám sát BIDV- Chi nhánh Hà Thành.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các cơ quan và tổ chức uy tín trên thị trường như HNX, HSX.

d) Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản bao gồm các nội dung sau:

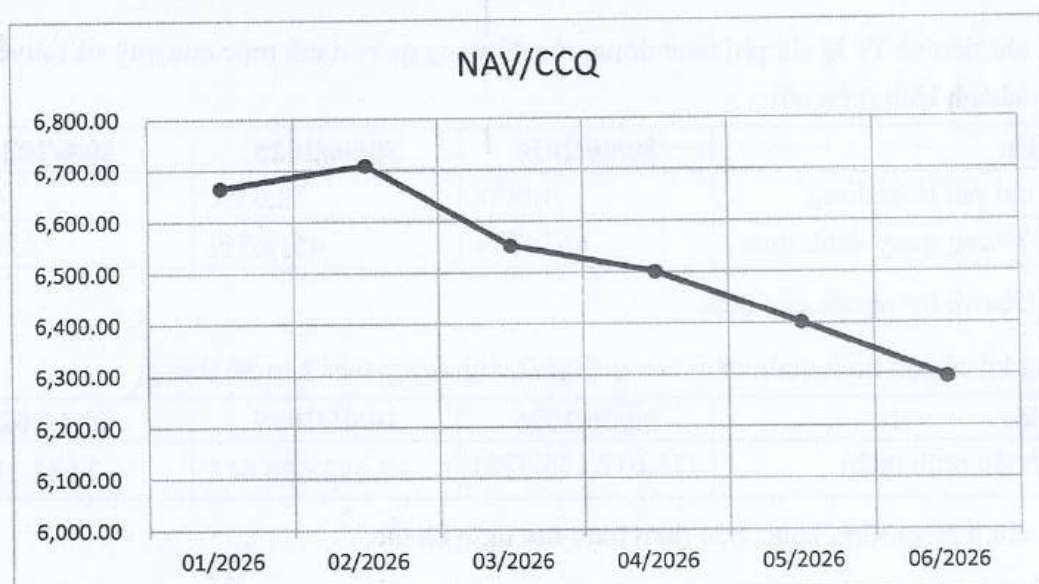
a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ : không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, Quỹ đã ghi nhận mức giảm 37,95%/năm.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): không có

d) Chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo: Tìm kiếm sự kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro và thu nhập của từng loại tài sản theo từng thời kỳ. Danh mục đầu tư của Quỹ tập trung vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa lớn, thanh khoản cao trên thị trường chứng khoán, các loại trái phiếu niêm yết (các loại trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu niêm yết của doanh nghiệp có uy tín, có xếp hạng tín nhiệm cao...) và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất):



Tính từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 Quỹ đã ghi nhận mức giảm 37,95%/năm.

g) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap);

Kinh tế vĩ mô:

GDP sáu tháng đầu năm 2026 tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 7,63%). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, đóng góp 5,66%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,81%, đóng góp 47,20%; khu vực dịch vụ tăng 8,09%, đóng góp 47,14%.

Về cơ cấu nền kinh tế sáu tháng đầu năm 2026, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,61%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,66%; khu vực dịch vụ chiếm 43,52%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,21% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2025 là 11,28%; 36,82%; 43,59%; 8,31%).

Về sử dụng GDP sáu tháng đầu năm 2026, tiêu dùng cuối cùng tăng 8,15% so với cùng kỳ năm 2025, tích lũy tài sản tăng 15,20%, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 20,18%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 26,44%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Sáu giảm 0,39% so với tháng trước; tăng 3,21% so với tháng 12/2024 và tăng 4,69% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân quý II/2026 tăng 5,25% so với quý II/2025. Bình quân sáu tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,12%.

Chỉ số giá vàng tháng Sáu giảm 8,46% so với tháng Năm; tăng 24,11% so với cùng kỳ năm trước; giảm 2,72% so với tháng 12/2025; bình quân quý II/2026 tăng 36,84% so với cùng kỳ năm trước; bình quân sáu tháng đầu năm 2026 tăng 58,12%.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng Sáu tăng 0,11% so với tháng trước; tăng 0,57% so với cùng kỳ năm trước; giảm 0,17% so với tháng 12/2025; bình quân quý II/2026 tăng 0,93%; bình quân sáu tháng đầu năm 2026 tăng 1,75%.

Kết luận

Trong 6 tháng đầu năm 2026, kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp; trong nước vẫn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự nỗ lực của các bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, tình hình kinh tế – xã hội tháng Sáu và 6 tháng đầu năm 2026 của nước ta đạt nhiều kết quả tích cực. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục phục hồi, nhiều ngành, lĩnh vực tăng trưởng khả quan, tạo nền tảng cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội năm 2026.

Thị trường lãi suất:

Trong nửa đầu năm 2026, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt nhằm thực hiện mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong khi vẫn kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá và đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng.

Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng tiếp tục ở mức cao và nhanh hơn tốc độ huy động vốn, thanh khoản hệ thống có thời điểm chịu áp lực đáng kể, đặc biệt trong quý I và đầu quý II. NHNN đã phối hợp linh hoạt các công cụ điều hành, bao gồm nghiệp vụ thị trường mở (OMO), tín phiếu và điều hành tỷ giá để ổn định thị trường tiền tệ, đồng thời yêu cầu các tổ chức tín dụng giữ ổn định mặt bằng lãi suất và tiết giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.

Về lãi suất điều hành: NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành đã được duy trì từ các năm trước. Lãi suất tái cấp vốn duy trì ở mức khoảng **4,5%/năm**, lãi suất tái chiết khấu ở mức **3,0%/năm**, trong khi lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán tiếp tục được duy trì nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý. Việc không điều chỉnh lãi suất điều hành phản ánh định hướng ưu tiên ổn định chính sách tiền tệ trong bối cảnh Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn duy trì chính sách thận trọng và áp lực tỷ giá chưa hoàn toàn giảm bớt..

Mặt bằng lãi suất huy động: Lãi suất huy động trong nửa đầu năm 2026 có xu hướng tăng so với cuối năm 2025 do nhu cầu huy động vốn của các ngân hàng gia tăng nhằm đáp ứng tốc độ tăng trưởng tín dụng. Theo số liệu của NHNN, mặt bằng lãi suất tiền gửi bằng VND phổ biến ở mức 4,1% – 4,6%/năm đối với kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 5,9% – 7,4%/năm đối với kỳ hạn từ 6 đến dưới 12 tháng; và khoảng 5,7% – 7,6%/năm đối với kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Một số ngân hàng thương mại cổ phần quy mô vừa và nhỏ triển khai các chương trình huy động đặc biệt với mức lãi suất cao hơn để cải thiện thanh khoản, trong khi nhóm ngân hàng thương mại nhà nước tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất ở mức thấp hơn nhằm thực hiện chủ trương ổn định thị trường.

Lãi suất cho vay: Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, các tổ chức tín dụng tiếp tục nỗ lực giảm chi phí hoạt động để duy trì mặt bằng lãi suất cho vay ở mức hợp lý. Lãi suất cho vay bằng VND đối với các khoản vay mới và dư nợ hiện hữu phổ biến trong khoảng 8,0% – 10,1%/năm, trong khi lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên được duy trì ở mức khoảng 3,9%/năm, thấp hơn mức trần quy định 4,0%/năm. Đối với các khoản vay trung và dài hạn, bất động sản hoặc tiêu dùng, lãi suất tiếp tục ở mức cao hơn tùy theo mức độ rủi ro và chính sách của từng ngân hàng.

Thị trường liên ngân hàng và nghiệp vụ thị trường mở: Diễn biến trên thị trường liên ngân hàng đầu năm 2026 cho thấy thanh khoản hệ thống có thời điểm chịu áp lực đáng kể khi tăng trưởng tín dụng vượt tốc độ huy động vốn. Lãi suất qua đêm trên thị trường liên ngân hàng biến động mạnh trong quý I, có thời điểm tăng lên mức rất cao trước khi hạ nhiệt nhờ NHNN bơm thanh khoản qua nghiệp vụ thị trường mở. NHNN tiếp tục sử dụng linh hoạt các công cụ OMO, duy trì lãi suất cho vay cầm cố trên thị trường mở quanh 4,5%/năm, đồng thời điều tiết thanh khoản kịp thời để hạn chế biến động quá mức trên thị trường tiền tệ và góp phần ổn định tỷ giá.

Kết luận

Thị trường lãi suất Việt Nam 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục được điều hành theo định hướng ổn định nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát. Trong khi NHNN duy

trì mặt bằng lãi suất điều hành không thay đổi, lãi suất huy động có xu hướng tăng nhẹ do áp lực huy động vốn và tăng trưởng tín dụng, còn lãi suất cho vay cơ bản được giữ ổn định nhờ các biện pháp điều hành và chỉ đạo của NHNN. Thanh khoản hệ thống ngân hàng nhìn chung vẫn được đảm bảo, mặc dù có thời điểm chịu áp lực trên thị trường liên ngân hàng. Trong thời gian tới, diễn biến lãi suất sẽ tiếp tục phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng tín dụng, xu hướng huy động vốn, diễn biến tỷ giá, lạm phát trong nước và chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới.

Thị trường Cổ phiếu

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 diễn biến tích cực nhưng có nhiều biến động mạnh. Được hỗ trợ bởi nền tảng kinh tế vĩ mô duy trì tăng trưởng cao (GDP 6 tháng đầu năm tăng khoảng 8,09%), kết quả kinh doanh của nhiều doanh nghiệp niêm yết tiếp tục cải thiện và kỳ vọng về quá trình nâng hạng thị trường, VN-Index nhiều lần thiết lập đỉnh lịch sử mới trong nửa đầu năm. Tuy nhiên, thị trường cũng chịu áp lực điều chỉnh đáng kể do hoạt động chốt lời tại vùng giá cao, diễn biến chính sách tiền tệ toàn cầu và xu hướng bán ròng kéo dài của khối ngoại.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/6/2026, chỉ số VN-Index đạt 1.860,01 điểm, tăng khoảng 4,2% so với cuối năm 2025 và tăng trên 35% so với cùng kỳ năm trước. Trong 6 tháng đầu năm, chỉ số có thời điểm giảm mạnh xuống quanh 1.586 điểm vào cuối tháng 3 trước khi phục hồi nhanh và lập mức đỉnh lịch sử trên 1.930 điểm trong tháng 5, phản ánh tâm lý nhà đầu tư thay đổi nhanh trước các yếu tố trong và ngoài nước.

Kết luận:

Nhìn chung, 6 tháng đầu năm 2026, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng mặc dù biến động lớn hơn so với năm 2025. Nền tảng kinh tế vĩ mô tích cực, lợi nhuận doanh nghiệp cải thiện và kỳ vọng nâng hạng thị trường tiếp tục là các yếu tố hỗ trợ quan trọng. Tuy nhiên, áp lực bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài, diễn biến chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn và biến động của thị trường tài chính quốc tế vẫn là những yếu tố cần được theo dõi trong nửa cuối năm. Nếu môi trường vĩ mô tiếp tục ổn định và tiến trình nâng hạng thị trường được thúc đẩy, thị trường cổ phiếu Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì triển vọng tích cực trong những tháng cuối năm 2026.

Thị trường Trái phiếu:

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục duy trì xu hướng phục hồi tích cực, được hỗ trợ bởi môi trường lãi suất tương đối ổn định, niềm tin của nhà đầu tư dần cải thiện và khung pháp lý ngày càng hoàn thiện. Hoạt động phát hành mới diễn ra sôi động hơn so với cùng kỳ năm 2025, đặc biệt ở nhóm tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp có năng lực tài chính tốt. Theo số liệu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), tổng giá trị phát hành TPDN trong 6 tháng đầu năm đạt khoảng 332.000 tỷ đồng, tăng trên 40% so với cùng kỳ năm trước, trong đó phát hành riêng lẻ tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu. Thị trường ghi nhận sự cải thiện về chất lượng phát hành khi các doanh nghiệp phát hành có hồ sơ tín dụng tốt hơn và công bố thông tin minh bạch hơn.



Ngành ngân hàng tiếp tục là động lực chính của thị trường với tổng giá trị phát hành khoảng 250.000 – 260.000 tỷ đồng, chiếm trên 75% tổng lượng phát hành. Mục đích phát hành chủ yếu nhằm tăng vốn cấp 2, bổ sung nguồn vốn trung và dài hạn, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vốn theo Basel III và phục vụ nhu cầu tăng trưởng tín dụng. Lãi suất phát hành của nhóm ngân hàng phổ biến trong khoảng 5,3% – 7,2%/năm, kỳ hạn chủ yếu từ 5 – 10 năm, phản ánh mức độ tín nhiệm cao và khả năng huy động vốn thuận lợi của các tổ chức tín dụng.

Bên cạnh hoạt động phát hành mới, áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp vẫn là vấn đề đáng lưu ý trong năm 2026. Theo VBMA, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong năm 2026 ước khoảng 210.000 – 220.000 tỷ đồng, trong đó khoảng 45% thuộc nhóm doanh nghiệp bất động sản. Riêng trong 6 tháng đầu năm, nhiều doanh nghiệp đã chủ động mua lại trái phiếu trước hạn hoặc đàm phán gia hạn thời gian thanh toán với trái chủ nhằm giảm áp lực dòng tiền. Giá trị mua lại trước hạn tiếp tục duy trì ở mức cao, phản ánh xu hướng tái cơ cấu nguồn vốn và cải thiện bảng cân đối tài chính của doanh nghiệp.

Kết luận:

Nhìn chung, thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục xu hướng phục hồi với quy mô phát hành tăng trưởng khá, chất lượng phát hành được cải thiện và niềm tin của nhà đầu tư dần được củng cố. Ngành ngân hàng tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt thị trường, trong khi hoạt động phát hành của nhóm bất động sản đã có dấu hiệu khởi sắc nhưng vẫn còn thận trọng do áp lực tái cơ cấu tài chính và nghĩa vụ trái phiếu đến hạn. Trong nửa cuối năm 2026, triển vọng thị trường được đánh giá tích cực nhờ môi trường lãi suất ổn định, nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp gia tăng và quá trình hoàn thiện khung pháp lý, tuy nhiên vẫn cần theo dõi sát rủi ro đáo hạn trái phiếu, đặc biệt đối với nhóm doanh nghiệp bất động sản và các doanh nghiệp có đòn bẩy tài chính cao.

h) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ : Không có

i) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan :

- Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ là 30,27%.

l) Các thông tin khác : Không có

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

b) Việc tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá trong kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2026 hạn mức đầu tư của Quỹ phát sinh sai lệch so với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, cụ thể như sau:

- Tại các kỳ định giá ngày 07/01/2026, 28/01/2026 đến 04/02/2026, 27/05/2026 và 01/06/2026 tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại Điểm e Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

- Tại các kỳ định giá ngày 07/01/2026, 28/01/2026 đến 04/02/2026 tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của 1 tổ chức phát hành trên tổng tài sản của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối đa 20% theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

- Tại các kỳ định giá ngày 21/01/2026 đến 01/02/2026 cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ chưa đáp ứng tối thiểu 06 tổ chức phát theo quy định tại Điểm 1 Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

Tính đến thời điểm báo cáo, các tỷ lệ đầu tư nêu trên của quỹ đã đảm bảo hạn mức tối đa theo quy định tại điểm c, e, 1 Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC; và cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ đã được điều chỉnh trong thời hạn được phép theo quy định tại khoản 6 Điều 24, khoản 7 Điều 24, khoản 6 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Tổng các chi phí ủy quyền từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Số tiền (VND) hoặc tỷ lệ %
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VND)	165.000.000
% tổng chi phí ủy quyền/lợi nhuận	-1,42%
% tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập ròng	-55,59%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	22,33%

b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng BIDV- chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Tổng các chi phí ủy quyền từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Giá trị (VND)
Phí quản trị quỹ	99.000.000
Phí đại lý chuyển nhượng	66.000.000
Tổng	165.000.000

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC). Dịch vụ quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)- chi nhánh Hà Thành. Theo đánh giá của PVCB Capital, VSD và BIDV- chi nhánh Hà Thành đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, dự phòng thảm họa và ác bên nhận ủy quyền cho quỹ PBIF được đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital).

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PBIF (2b).

Giám đốc

Công ty cổ phần Quản lý quỹ

Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam



Nguyễn Ngô Minh



PHỤ LỤC 01:

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ QUỸ PBIF

(Đính kèm Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ PBIF 6 tháng đầu năm 2026 số 383/QLQ-PBIF ngày 11/08/2026)

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Phần I. Căn cứ pháp lý	2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; 5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; 7. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; 10. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính; 11. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30	2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025; 4. Nghị định số 306/2025/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 25/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/11/2021; 5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025; 7. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố	Cập nhật bổ sung thêm căn cứ pháp lý mới.

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam 12. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán 13. Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam; 14. Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;	thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025; 10. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025; 11. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 20/2025/TT-BTC ngày 05/5/2025; 12. Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán	
2	Điều 1. Chương I. Tên Và Địa Chỉ Liên Hệ & Điều 7. Chương 1. Công Ty Quản Lý Quỹ	Trụ sở chính: Tầng 9 Tòa nhà Hapro, số 11B Cát Linh, Đống Đa, thành phố Hà Nội	Trụ sở chính: Tầng 9 Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội	Cập nhật địa chỉ theo quy định hiện hành.

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	& Phụ Lục 1 Cam Kết Của Công Ty Quản Lý Quỹ			
3	Điều 8. Chương 1. Ngân Hàng Giám Sát	Trụ sở đăng ký: 74 Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Trụ sở đăng ký: 74 Thợ Nhuộm, Phường Cửa Nam, Hà Nội	Cập nhật địa chỉ theo quy định hiện hành.
4	Điều 10. Chiến Lược Đầu Tư	1. Chiến lược đầu tư Để đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Quỹ là đảm bảo an toàn vốn nhưng vẫn đem lại lợi suất hấp dẫn cho Nhà Đầu Tư và tăng thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ xây dựng một danh mục kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro các công cụ nợ đa dạng với tỷ trọng phân bổ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhận định của công ty quản lý quỹ trong từng thời điểm. Các tài sản đầu tư tập trung chủ yếu vào (1) các cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa lớn, thanh khoản cao trên thị trường chứng khoán, và (2) các công cụ tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái	1. Chiến lược đầu tư Để đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Quỹ là đảm bảo an toàn vốn nhưng vẫn đem lại lợi suất tốt nhất cho Nhà Đầu Tư và tăng thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ xây dựng một danh mục bao gồm các công cụ nợ đa dạng với tỷ trọng phân bổ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhận định của công ty quản lý quỹ trong thời điểm. Các tài sản đầu tư tập trung chủ yếu vào các công cụ tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua	Cập nhật thêm danh mục đầu tư của quỹ mở theo quy định tại Điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		phiếu doanh nghiệp được niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Khi điều kiện thị trường không thuận lợi, để đảm bảo an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư, Quỹ có thể đầu tư tới 100% giá trị tài sản ròng của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn, tài sản tương đương tiền và các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro. Khi thị trường cổ phiếu thuận lợi, Quỹ có thể đầu tư một phần của giá trị tài sản ròng của quỹ vào cổ phiếu niêm yết có vốn hóa lớn trên thị trường nhằm tìm kiếm lợi suất cao hơn cho Nhà Đầu Tư, nhưng vẫn phải đảm bảo các hạn chế của luật chứng khoán liên quan và an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư. 2. Danh mục đầu tư của Quỹ Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau: a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương	lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Khi điều kiện thị trường không thuận lợi, để đảm bảo an toàn vốn cho Nhà Đầu, Quỹ có thể đầu tư tới 100% giá trị tài sản ròng của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn, tài sản tương đương tiền và các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro. Khi thị trường cổ phiếu thuận lợi, Quỹ có thể đầu tư một phần của giá trị tài sản ròng của quỹ vào cổ phiếu niêm yết có vốn hóa lớn trên thị trường nhằm tìm kiếm lợi suất cao hơn cho Nhà Đầu Tư, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch nhưng vẫn phải đảm bảo các hạn chế của luật chứng khoán liên quan và an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư.	

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		mai theo quy định của pháp luật về ngân hàng; b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản quy định	2. Danh mục đầu tư của Quỹ Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVCOM sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau: a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; đ. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt	

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau: - Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; - Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành. f) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.	phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư; Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025. Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín	

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; e. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ; g. Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ; h. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 và các văn bản sửa đổi bổ sung khác tại từng thời điểm (nếu có).	
5	Điều 11. Hạn Chế Đầu Tư	1. Danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 9 và Điều 10 của Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. 2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM phải đảm bảo	1. Danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVCOM phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 9 và 10 Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. 2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVCOM phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:	Cập nhật các hạn chế đầu tư của quỹ theo quy định tại Điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		tuân thủ các nguyên tắc sau: a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b, Khoản 2, Điều 10, Chương II của Điều lệ này; b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ; c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành quy định tại điểm a,b, Khoản 2, Điều 10, Chương II của Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ; d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e Khoản 2, Điều 10 của Điều lệ này,	a. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ; b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ; c. Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ, e và h Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền.	

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e, Khoản 2, Điều 10 của Điều lệ này; f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và f Khoản 2, Điều 10, Chương II của Điều lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ; g) Tại mọi thời điểm, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt	d. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm d Khoản 2.2.3 Mục này, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm d Khoản 2.2.3 Mục này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm d Khoản 2.2.3 Mục này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm d Khoản 2.2.3 Mục này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán; e. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, đ, g và h Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ	

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		quá giá trị tài sản ròng của quỹ; h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM; i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau: • Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; • Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; • Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;	chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ; f. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ; g. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVCOM; h. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau: • Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; • Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; • Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng i. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;	

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành; l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 10 điều lệ này mà được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản; 3. Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h và j Khoản 2 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được phép sai lệch so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau: a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ; b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư; c) Hoạt động chia, tách hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;	j. Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm; k. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a và b khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này mà được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản. l. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm đ, khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch phải đáp ứng điều kiện sau: - Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch; - Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; - Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành; - Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất,	



STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.	báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát; - Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro. Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có	

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống. 1. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e, khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch phải đáp ứng điều kiện sau: - Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; - Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ. - Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.”. 3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVCOM được phép sai lệch so với các hạn chế quy	



STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			định tại điểm a, b, c, d, e và h Mục 2 nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau: a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ; b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư; c) Hoạt động chia, tách hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành; d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.	
6	Mục 1. Điều 18. Mua Lại Một Phần, Tạm Ngừng Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, Mức Phòng Vệ Thanh Khoản	a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao	a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ;	Sửa đổi theo quy định mới tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		dịch chứng chỉ quỹ.		
7	Mục 8. Điều 18. Mua Lại Một Phần, Tạm Ngừng Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, Mức Phòng Vệ Thanh Khoản		Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau: a) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho từng quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải	Bổ sung thêm thông tin về mức phòng vệ thanh khoản theo quy định mới tại Khoản 6 Điều 15 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			được tính vào thu nhập của quỹ. b) Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa phải được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối. c) Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là 01 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ và thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. d) Công ty quản lý quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ, thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên	

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của quỹ chấm dứt. đ) Đại lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của công ty quản lý quỹ.”.	
8	Điều 19. Giá Phát Hành Lần Đầu, Giá Phát Hành, Giá Mua Lại	3. Giá mua lại là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi Giá dịch vụ mua lại. 4. Giá dịch vụ phát hành là số tiền dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua Chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ, và có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. 5. Giá dịch vụ mua lại là số tiền dịch vụ Nhà Đầu Tư phải trả khi bán một đơn vị	3. Giá mua lại là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi Giá dịch vụ mua lại. Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản. 4. Giá dịch vụ phát hành là số tiền dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua Chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ, và có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ. 5. Giá dịch vụ mua lại là số tiền dịch vụ Nhà Đầu Tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ cho Quỹ và được khấu trừ khi Quỹ thanh toán tiền bán chứng	Cập nhật giá mua lại của quỹ theo quy định Khoản 1 Điều 16 tại Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025. Bỏ quy định mức trần của giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ chuyển đổi và thời gian áp dụng tăng các mức giá dịch vụ theo quy định tại Khoản 2,

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		quỹ cho Quỹ và được khấu trừ khi Quỹ thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư. Giá dịch vụ mua lại được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ và có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị bán thực hiện được. 6. Giá dịch vụ chuyển đổi là số tiền dịch vụ Nhà Đầu Tư phải trả khi giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ chuyển đổi thực hiện được. Nhà Đầu Tư không phải trả Giá dịch vụ mua lại và Giá dịch vụ phát hành khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ chuyển đổi được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ và có thể thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị chuyển đổi thực hiện được.	chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư. Giá dịch vụ mua lại được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ và có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ. 6. Giá dịch vụ chuyển đổi là số tiền dịch vụ Nhà Đầu Tư phải trả khi giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ chuyển đổi thực hiện được. Nhà Đầu Tư không phải trả Giá dịch vụ mua lại và Giá dịch vụ phát hành khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ chuyển đổi được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ và có thể thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ. 7. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ (SIP): là số tiền dịch vụ áp dụng khi Nhà đầu tư mua các đơn vị quỹ theo Chương trình SIP. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của quỹ. Phí phạt khi rời chương trình là số tiền dịch vụ được áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư chấm dứt chương trình và bán Chứng chỉ quỹ, hoặc chuyển	Khoản 3 Điều 16 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		7. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ (SIP): là số tiền dịch vụ áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua các đơn vị quỹ theo Chương trình SIP. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của quỹ. Phí phạt khi rời chương trình là số tiền dịch vụ được áp dụng trong trường hợp Nhà Đầu Tư chấm dứt chương trình và bán Chứng chỉ quỹ, hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày bắt đầu tham gia chương trình. Mức phí phạt sẽ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của quỹ. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ và phí phạt khi rời khỏi chương trình có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch khi tham gia chương trình và ba phần trăm (3%) giá trị bán thực hiện khi rời khỏi chương trình. 9. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được	đổi sang Quỹ khác trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày bắt đầu tham gia chương trình. Mức phí phạt sẽ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của quỹ. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ và phí phạt khi rời khỏi chương trình có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ. 9. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức tối đa quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá mới trên trang thông tin điện tử của công ty.	

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá mới trên trang thông tin điện tử của công ty.		
9	Điều 21. Đại hội Nhà đầu tư	3. Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất và được Ban đại diện phê duyệt.	Bãi bỏ	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025
10	Điều 22. Triệu Tập Họp Đại Hội Nhà Đầu Tư	1. Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường được triệu tập trong những trường hợp sau: a) Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;	1. Đại hội Nhà đầu tư được triệu tập trong những trường hợp sau: a) Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ hoặc để thông qua các nội dung	Cập nhật quy định Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Thông tư 136/2025/TT-

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành liên tục trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;	thuộc quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này; b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tính tới thời điểm triệu tập đại hội.	BTC ngày 29/12/2025
11	Điều 29. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Ban Đại Diện Quỹ	2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 2 Điều 10 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.	2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 2 Điều 10 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ), cụ thể như sau: a. Ban đại diện quỹ chấp thuận khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;	Cập nhật quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện theo quy định tại Điều 8 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025

✓

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			b. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích để Ban đại diện quỹ quyết định.”. Công ty quản lý quỹ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận và phải tuân thủ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.”.	
12	Điểm b Khoản 2 Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát	b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà Đầu Tư và của Ban đại diện Quỹ.	b) Tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán nhưng không có quyền biểu quyết; cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, các cuộc họp Ban đại diện quỹ.	Cập nhật thay đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
13	Điều 47. Điều Kiện Lựa Chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chi Quỹ Mở	1. Là các công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công Ty Quản lý Quỹ; 2. Công Ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại lý Phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại Hợp đồng phân phối.	1. Là các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công Ty Quản lý Quỹ; 2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 11 Điều 78 Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.	Cập nhật điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 24 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.
14	Điều 48. Hoạt Động Của Đại Lý Phân Phối	1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm: f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công	1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm: f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch	Cập nhật hoạt động của đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định tại

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này. 2. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại thì không được: a) Làm đại lý ký danh; b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho Công Ty Quản Lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ mà mình đang làm Đại lý phân phối.	vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.”. 2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư.”.	Khoản 2 Điều 24 và Điều 25 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.
15	Điều 49. Quy Định Chung Về Nghiệp Vụ Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ	6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty	6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất cứ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc	Cập nhật quy định mới về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định tại Điều 26 Thông tư 136/2025/TT-

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ, phí đã được công bố tại các bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ. 7. Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.	tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với công ty quản lý quỹ.”. 7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. 9. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật. 10. Phương tiện để đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.	BTC ngày 29/12/2025.

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			11. Khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo: a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán; b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt; c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống; d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ; đ) Đảm bảo nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình,	

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối; e) Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại khoản 1 Điều 77 Thông tư này, khoản 5 và khoản 6 Điều này. g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này cho nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này; h) Đảm bảo nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ. 12. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đại lý phân phối và chương trình, ứng	

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối.”.	
16	Điều 50. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Và Thay Đổi Công Ty Kiểm Toán	Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Điều lệ này, Ban đại diện Quỹ thực hiện chọn công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ.	Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn.	Cập nhật việc Ban đại diện không được nhận ủy quyền của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.